

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 09 - 2023

V/v Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Văn Cơ.

2. Bà Lưu Thị Hồng Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ytỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ytỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phan Ngọc Điềm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ytỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **123/2023/TLST-HNGĐ** ngày 12 tháng 07 năm 2023; về việc “*Hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 293/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 08 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 255/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 09 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp Q, xã W, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp Q, xã W, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/07/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Huỳnh Thị Đ trình bày: Nguyên năm 1995, bà và ông Lê Văn B tổ chức cưới theo phong tục tập quán và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau đám cưới ông bà cùng sinh sống

tại ấp Q, xã W, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Trong quá trình chung sống như vợ chồng ông bà có với nhau 02 người con chung là cháu Lê Hữu P, sinh năm 1996 và cháu Lê Thị Cẩm T, sinh năm 2000 (đều đã trưởng thành), không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không có người khác nợ vợ chồng. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian chung sống sau này vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và bất đồng trong suy nghĩ, hành động và trong cuộc sống nên đời sống hôn nhân lạnh nhạt, không còn chung sống vợ chồng từ năm 2022 cho đến nay.

Nay bà Huỳnh Thị Đ nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ chung sống giữa bà Huỳnh Thị Đ với ông Lê Văn B là vợ chồng.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, người khác nợ vợ chồng: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Bị đơn Lê Văn B*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 123/2023/TB-TLVA ngày 12/07/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng (nhưng ông Lê Văn B thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, nên niêm yết ngày 13/07/2023) nên ông Lê Văn B cũng đã biết nội dung, căn cứ khởi kiện và những vấn đề bà Huỳnh Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng ông Lê Văn B không có văn bản trả lời theo Toán án ấn định. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không tham gia.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin vắng mặt và không có ý kiến khác nên xem như giữ nguyên nội dung đơn yêu cầu khởi kiện.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành đúng pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời, phát biểu quan điểm về tính có căn cứ và hợp pháp của yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[I] Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Huỳnh Thị Đ yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ chung sống giữa bà Huỳnh Thị Đ với ông Lê Văn B là vợ chồng; các con đã trưởng thành (trên 18 tuổi) và tài sản chung, nợ chung, người khác nợ vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp “*Hôn nhân và gia đình*” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Trong vụ án bị đơn ông Lê Văn B cư trú tại ấp Q, xã W, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, vụ án được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm và không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần ủy thác tư pháp. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, xét xử vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Huỳnh Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn Lê Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm mà vẫn vắng mặt không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[III] Về nội dung:

[1] Nguyên đơn Huỳnh Thị Đ và bị đơn Lê Văn B có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn. Xét thấy, khi bà Huỳnh Thị Đ và ông Lê Văn B tổ chức đám cưới và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng là bà Huỳnh Thị Đ và ông Lê Văn B đã có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng kể từ thời điểm chung sống và quan hệ hôn nhân không hợp pháp nên không được pháp luật bảo vệ. Nay bà Huỳnh Thị Đ yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị Đ với ông Lê Văn B là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận quan hệ chung sống giữa bà Huỳnh Thị Đ với ông Lê Văn B là vợ chồng.

[2] Về quan hệ con chung: Các con đã trưởng thành, bà Huỳnh Thị Đ không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ lại, theo bà Huỳnh Thị Đ xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh và tranh chấp thì sẽ khởi kiện và giải quyết theo quy định pháp luật.

[4] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu trên, theo yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[5] Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân theo mức án phí không giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; theo hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ chung sống giữa bà Huỳnh Thị Đ với ông Lê Văn B là vợ chồng.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung và người khác nợ lại: Theo bà Huỳnh Thị Đ không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Đ phải chịu 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo Biên lai thu số 0010241 ngày 11/07/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Huỳnh Thị Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại UBND cấp xã nơi cư trú) để xin Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014),

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hùng Nuôi